TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **32**/2019/HNGĐ-ST;
Ngày: 24/10/2019.

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình.

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Lê Quốc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/9/2019, về việc: "*Tranh chấp hôn nhân gia đình"*, theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/10/2019 giữa các đ- ơng sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn , xã Sơn Đ, Hoài Đức, TP. Hà Nội. *Có mặt.*

***Bị đơn**: Anh Nguyễn Nghiêm T, sinh năm 1990;

Trú tại: Thôn , xã Sơn Đ, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Nghiêm T năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Đ, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không lo kinh tế gia đình, không chú tâm vào làm ăn. Do mâu thuẫn nên chị về nhà mẹ đẻ ở, tháng 4/2019 chị đã có đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị đồng ý rút đơn để hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng thực tế vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hiện hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 26/3/2017. Khi ly hôn chị xin được nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật, hiện nay chị không mang thai. Hiện tại thu nhập của chị 1 tháng 12.000.000đ, chỗ ở ổn định.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Bị đơn trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn và tình trạng hôn nhân đúng như chị Ninh khai, vợ chồng sống hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh nợ nần nên bố mẹ anh cùng chị N trả nợ cho anh, cũng từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị N tự bỏ về nhà mẹ đẻ mặc dù anh và bố mẹ anh không ai đuổi chị N, khi chị ở bên ngoại bố mẹ anh và bố mẹ chị N có nói chuyện hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý. Tháng 7/2019 chị N gửi đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải. Nay chị N lại gửi đơn xin ly hôn, anh không gặp và không thể nói chuyện được vì chị N cố tình tránh mặt. Nay anh thấy tình cảm giữa anh với chị N vẫn còn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị N không rút đơn mà cương quyết xin ly hôn thì anh xin giải quyết vắng mặt vì không có thời gian để đến Tòa hòa giải.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 26/3/2017, nếu phải ly hôn anh xin được nuôi cháu và yêu cầu chị N phải cấp

dưỡng nuôi con chung với anh, hiện nay anh làm chủ xưởng mộc, thu nhập 1 tháng 12.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông là bố chị N, năm 2015 ông xây dựng gia đình cho chị N với anh T. Sau khi cưới anh chị sống chung cùng bố mẹ chồng, thời gian gần đây vợ chồng mâu thuẫn nên chị N đã thuê trọ gần nơi chị làm việc, nay chị N xin ly hôn, ông không mong muốn. Nếu chị N cương quyết xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Anh chị có 1 con chung như chị N trình bày, nếu anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, nếu được nuôi ông sẽ tạo điều kiện mẹ con cháu ở cùng với ông, ông bà không có người còn nào ngoài chị Ninh, thu nhập của chị Ninh ổn định như chị Ninh trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc thực hiện tố tụng của Toà án và các đ- ơng sự: Quá trình tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán và các đ- ơng sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy N. Xử cho chị N được ly hôn anh Nguyễn Nghiêm T.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 26/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật

-Về tài sản chung: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Nghiêm T đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Nghiêm T đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị N và anh T chung sống đến tháng 01/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn hai bên đã sống ly thân. Chị N đã gửi đơn ly hôn sau đó rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng thực tế tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Nay chị N cương quyết xin ly hôn anh T. Anh T cho rằng vẫn còn tình cảm với chị N nhưng không có phương pháp hàn gắn, cải thiện quan hệ vợ chồng, từ chối tham gia phiên tòa. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác"*. Như vậy hiện tại anh T và chị N đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị Nđược ly hôn anh T là phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Anh T và chị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 26/3/2017. Nay ly hôn chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. HĐXX xét xử xét thấy: Nguyện vọng của anh T và chị N về nuôi dưỡng con chung là chính đáng; tuy nhiên xét thấy hiện cháu D chưa đủ 36 tháng tuổi; bản thân chị N có thu nhập và nơi ở

ổn định. Đồng thời tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về: ***Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn:***

1. ..2…3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con.

Do đó xét thấy cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn là đảm bảo sự phát triển bình thường của cháu.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung theo qui định của pháp luật. HĐXX xét thấy theo quy định tại Điều 82. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về: ***Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn:***

1...2. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Do đó, cần buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị N. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, xét điều kiện sinh sống hiện tại của cháu D tại địa phương, mức thu nhập của các bên đương sự, mức lương cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng là 2.000.000đ/ 1tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 11 năm 2019 đến khi cháu D tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[2.4]. Về tài sản chung: Ghi nhận chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 và Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điều 26; Điều 35; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy N, cho chị Nguyễn Thị Thùy N được ly hôn anh Nguyễn Nghiêm T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 26/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp trông nom chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Dương đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh T có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Nguyễn Nghiêm T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Thùy N mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung: Từ tháng 11 năm 2019 cho đến khi cháu Nguyễn Thùy D tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thùy N và anh Nguyễn Nghiêm T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án đ□ợc quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thùy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, đ- ợc trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009153 ngày 05/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị N đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Nghiêm T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo: *Áp dụng Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Chị Nguyễn Thị Thùy N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (M- ời lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nghiêm Xuân T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (M- ời lăm) ngày kể từ ngày nhận đ- ợc bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**